

Số: /QĐ-UBND Ninh Bình, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt dự án Sửa chữa nền, mặt đường và công trình tuyến đường
Quyết Thắng đoạn từ Quốc lộ 1A đến cổng chính Quân đoàn 12, Bộ Quốc
phòng thuộc địa phận phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 10 tháng 12 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 217/2026/NĐ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý hoạt động xây dựng; Nghị định số 207/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Xây dựng về quản lý chất lượng, thi công xây dựng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 206/2026/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2026 của Chính phủ quy định chi tiết về quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng tại Tờ trình số 622/TTr-SXD ngày 04 tháng 8 năm 2026 và kết quả thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 8361/SXD-KCHT ngày 03 tháng 8 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt dự án Sửa chữa nền, mặt đường và công trình tuyến đường Quyết Thắng đoạn từ Quốc lộ 1A đến cổng chính Quân đoàn 12, Bộ Quốc phòng thuộc địa phận phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình với các nội dung chủ yếu như sau:

1. Tên dự án: Sửa chữa nền, mặt đường và công trình tuyến đường Quyết Thắng đoạn từ Quốc lộ 1A đến cổng chính Quân đoàn 12, Bộ Quốc phòng thuộc địa phận phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình.

2. Nhóm dự án; loại, cấp công trình chính của dự án: Dự án nhóm C; công trình sửa chữa giao thông đường bộ.

3. Địa điểm xây dựng dự án; điểm đầu, điểm cuối và hướng tuyến công trình; diện tích sử dụng đất của dự án

- Địa điểm xây dựng dự án: Phường Trung Sơn, tỉnh Ninh Bình.

- Điểm đầu, điểm cuối và hướng tuyến công trình: Điểm đầu giao với Quốc lộ 1A, điểm cuối tại cổng chính Quân đoàn 12, Bộ Quốc phòng; hướng tuyến công trình bám theo hướng tuyến đường Quyết Thắng, phường Trung Sơn hiện tại.

- Diện tích sử dụng đất của dự án: Dự án thực hiện trong phạm vi công trình hiện tại, không chiếm dụng diện tích sử dụng đất mới.

4. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình.

5. Chủ đầu tư: Sở Xây dựng tỉnh Ninh Bình.

6. Nhà thầu tư vấn khảo sát xây dựng, lập Báo cáo kinh tế - kỹ thuật: Công ty TNHH Đầu tư phát triển và Thương mại Kim Sơn; mã số doanh nghiệp: 2700781962.

7. Mục tiêu dự án: Khắc phục tình trạng xuống cấp, bảo đảm an toàn giao thông, vệ sinh môi trường, duy trì và tăng cường khả năng khai thác của tuyến đường.

8. Quy mô đầu tư xây dựng

a) *Bình đồ:* Hướng tuyến bám theo hướng tuyến hiện tại.

b) *Mặt cắt dọc:* Cao độ đường đồ thiết kế trên cơ sở bám theo mặt đường cũ, bám sát các điểm khống chế về công trình, phù hợp với địa hình trên tuyến, bảo đảm an toàn, êm thuận và điều kiện thoát nước.

c) *Mặt cắt ngang:* Khôi phục lại mặt cắt ngang bảo đảm an toàn, êm thuận và điều kiện thoát nước.

d) *Nền và mặt đường*

- Sửa chữa hư hỏng cục bộ mặt đường:

+ Tại các vị trí mặt đường bị rạn, nứt dạng mai rùa: Cắt, đào bỏ lớp mặt đường bị hư hỏng sâu trung bình 5,0 cm; hoàn trả đến cao độ mặt đường hiện trạng bằng lớp bê tông nhựa chặt (BTNC) 19 dày 5,0 cm (*trước khi thảm tươi nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5 L/m²*).

+ Tại các vị trí mặt đường bị lún, lõm nặng: Cắt, đào bỏ toàn bộ lớp kết cấu áo đường bị hư hỏng sâu trung bình 20,0 cm, lu lèn lại móng đường hiện tại bảo đảm độ chặt $K \geq 0,98$; hoàn trả đến cao độ mặt đường hiện trạng với kết cấu từ dưới lên trên gồm lớp cấp phối đá dăm loại I dày 15,0 cm, tươi nhũ tương thấm bám tiêu chuẩn 1,0 L/m² và lớp BTNC 19 dày 5,0 cm.

- Thảm tăng cường mặt đường: Toàn bộ mặt đường sau khi được xử lý triệt để các hư hỏng cục bộ được bù vênh bằng lớp BTNC 19 dày trung bình 2,65 cm (*trước khi bù vênh tươi nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5 L/m²*) và thảm tăng cường bằng lớp BTNC 16 dày 5,0 cm (*trước khi thảm tươi nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,3 L/m²*). Riêng đối với đoạn Km1+003 - Km1+021 (*phạm vi mặt cầu*) và phạm vi nút giao với Quốc lộ 1A:

+ Đoạn Km1+003 - Km1+021: Cắt, đào bỏ lớp phủ bê tông nhựa mặt cầu bị hư hỏng sâu trung bình 5,0 cm và hoàn trả bằng lớp BTNC 16 dày 5,0 cm (*trước khi thảm tươi nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5 L/m²*).

+ Phạm vi nút giao với Quốc lộ 1A: Bù vênh bằng lớp BTNC 19 dày trung bình 2,1 cm (*trước khi bù vênh tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5 L/m²*) và thảm tăng cường bằng lớp BTNC 16 dày 5,0 cm (*trước khi thảm tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,3 L/m²*).

- Vuốt nối về mặt đường cũ hai đầu đoạn tuyến và vuốt nối với các đường ngang bảo đảm êm thuận bằng kết cấu BTNC 16 (*trước khi vuốt tưới nhũ tương dính bám tiêu chuẩn 0,5 L/m²*).

đ) *Hệ thống thoát nước*: Nâng cao độ cửa thu nước và hoàn trả đan rãnh để phù hợp với cao độ mặt đường sau khi sửa chữa, bảo đảm khả năng thoát nước và vệ sinh môi trường với kết cấu bằng BTXM mác 250.

e) *Hệ thống an toàn giao thông*

- Bố trí vạch sơn kẻ đường, cụm băng giảm tốc, biển báo, đỉnh phản quang tại các vị trí cần thiết theo quy định.

- Sơn phản quang gờ lan can cầu tại Km1+012 và công tại Km1+239 để tăng cường cảnh báo; thay thế lan can cầu tại Km1+012 bị hư hỏng bằng lan can thép mạ kẽm nhúng nóng.

9. Danh mục quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn áp dụng

- TCVN 4054:2005 Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế;
- TCCS 38:2022/TCĐBVN Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế;
- TCVN 13567:2022 Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 8859:2023 Lớp móng cấp phối đá dăm trong kết cấu áo đường - Thi công và nghiệm thu;
- TCVN 5574:2018 Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép;
- TCVN 14182:2024 Bảo dưỡng thường xuyên đường bộ - Yêu cầu kỹ thuật;
- TCVN 8791:2011 Sơn tín hiệu giao thông - Vật liệu kẻ đường phản quang nhiệt dẻo - Yêu cầu kỹ thuật, phương pháp thử, thi công và nghiệm thu;
- TCCS 34:2020/TCĐBVN Gờ giảm tốc, gờ giảm tốc trên đường bộ - Yêu cầu thiết kế;
- QCVN 41:2024/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Báo hiệu đường bộ;
- Và các quy chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn hiện hành khác có liên quan.

10. Tổng mức đầu tư xây dựng dự án: 8.531.622.000 đồng (*Tám tỷ, năm trăm ba mươi một triệu, sáu trăm hai mươi hai nghìn đồng*).

Trong đó:

- Chi phí xây dựng:	7.293.958.000	đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	163.385.000	đồng;
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng:	520.500.000	đồng;
- Chi phí khác:	147.511.000	đồng;
- Chi phí dự phòng:	406.268.000	đồng.

11. Thời gian thực hiện dự án: Năm 2026.

12. Nguồn vốn đầu tư: Sự nghiệp kinh tế ngân sách địa phương (*nằm trong Kế hoạch quản lý, vận hành, khai thác, bảo trì kết cấu hạ tầng giao thông trên địa bàn tỉnh năm 2026 đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 804/QĐ-UBND ngày 24 tháng 3 năm 2026*).

13. Hình thức tổ chức quản lý dự án: Chủ đầu tư tổ chức quản lý dự án theo quy định.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Chủ đầu tư triển khai các bước tiếp theo đúng quy định về quản lý đầu tư xây dựng; trong quá trình triển khai tính toán, lựa chọn giải pháp thi công hợp lý, phù hợp, tiết kiệm, hiệu quả; chỉ được thi công theo đúng tiến độ cấp vốn, không để phát sinh nợ đọng xây dựng cơ bản.

2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước khu vực V; Chủ tịch Ủy ban nhân dân phường Trung Sơn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, các PCVP, các VP2,3,5;
- Lưu: VT, VP4.

DL_VP4_89.QĐ

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Cao Sơn